

Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 20/12/2022  
V/v tranh chấp hôn và nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Thế Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Tiến Chinh;

- Ông Nguyễn Xuân Chung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị V, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ng, huyện L, Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ng, huyện L, Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Ngô Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quang H về chung sống với nhau năm 1987, khi đó bà mới 16 tuổi do hiểu biết pháp luật hạn chế, nên bà và ông H về chung sống cùng nhau khi bà chưa đến tuổi kết hôn; lễ cưới tổ chức

theo nghi lễ phong tục tập quán. Sau khi cưới, bà và ông H về ở với nhau ngay, từ đó đến nay không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, bà và ông H có hai con chung là:

- Nguyễn Quang H1, sinh năm 1987;
- Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là: Do kinh tế khó khăn, năm 2012 bà đi lao động tại Đài Loan, Trung Quốc thì ở nhà ông H chung sống với người phụ nữ khác và đã có 2 con riêng; bà biết việc này, bà đã can ngăn, nhưng ông H không nghe, lúc đó bà đang ở nước ngoài, nên không ngăn cản được. Từ năm 2012 đến nay, ông H ở với người phụ nữ khác; bà và ông H cũng ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Khi bà về nước, bà ở với con trai. Bà và ông H không còn tình cảm đã lâu, nhưng bà không làm đơn ly hôn, nay các con bà đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà đề nghị Tòa án cho được ly hôn ông H để bà còn làm ăn.

- Về con chung: Bà và ông H có hai con chung như trình bày ở trên, đến nay các con bà đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định, bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Bà và ông H sống ly thân đã lâu, để bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn, ông Nguyễn Quang H trình bày:* Ông công nhận về thời gian ông và bà V chung sống với nhau như bà V trình bày là đúng. Do khi cưới bà V mới 16 tuổi, nên không đủ tuổi đăng ký kết hôn, từ đó đến nay ông và bà V cũng không đăng ký kết hôn. Vì kinh tế khó khăn, nên năm 2004 bà V đi nước ngoài làm ăn, năm 2006 về nước, sau đó lại đi; thời gian ở nước ngoài bà V có quan hệ với người khác, tình cảm giữa ông và bà V lạnh nhạt dần, bà V không quan tâm đến ông và ông cũng không có tin tức gì với bà V. Hiện nay ông đã chung sống với người phụ nữ khác, nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà V và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà V có 2 con chung như bà V trình bày là đúng. Các con ông đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Ngô Thị V không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Bà Ngô Thị V trình bày: Bà và ông Nguyễn Quang H về chung sống với nhau năm 1987, khi đó bà mới 16 tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, lễ cưới được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán; từ đó đến nay bà và ông H cũng không đăng ký kết hôn. Do kinh tế khó khăn, nên bà sang Đài Loan, Trung Quốc làm giúp việc gia đình, 3 năm hết hợp đồng, bà về nước sau đó lại làm thủ

tục đi; năm 2012 bà tiếp tục đi Đài Loan, ở nhà ông H đã sống cùng người phụ nữ khác ở xã Ng, huyện L. Từ đó bà và ông H không còn liên hệ gì nữa. Bà xác định không còn tình cảm với ông H, nên đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng; bà muốn chấm dứt mọi quan hệ với ông H, để ông H không cản trở bà trong công việc và cuộc sống.

- Về con chung: Bà và ông H có hai con chung là: Nguyễn Quang H1, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988. Các con bà đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Đề bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quang H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Tòa án nhận đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 đến ngày 06/10/2022 Tòa án thụ lý vụ án là muộn so với qui định.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 171 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Quang H.

- Về án phí: Bà Ngô Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà V đã nộp tạm ứng án phí ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Ngô Thị V có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Quang H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Quang H là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn ông Nguyễn Quang H có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Quang H về chung sống với nhau năm 1987, khi đó bà V mới 16 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn, nên không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Trong suốt quá trình chung sống bà V và ông H không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký kết hôn, đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó đây không phải là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do kinh tế gia đình khó khăn, bà V đã đi nước ngoài làm ăn, ông H ở nhà đã chung sống với người phụ nữ khác, điều này bà V, ông H và con ông H xác nhận; đây là nguyên nhân dẫn mâu thuẫn gia đình; bà V ở nước ngoài không quan tâm đến ông H, còn ông H ở với người phụ nữ khác cũng không quan tâm đến bà V; khi bà V về nước, hai người không về ở với nhau mà mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ tình cảm nữa. Bà V xác định không còn tình cảm với ông H và không thể chung sống được với ông H, nên đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Ông H cho rằng vẫn còn tình cảm với bà V, nhưng thực tế ông H đã sống chung cùng người phụ nữ khác. Tòa án đã hòa giải vận động bà V và ông H về đoàn tụ và ra Ủy ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký kết hôn, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng bà V vẫn giữ nguyên quan điểm không thể chung sống với ông H. Tại phiên tòa bà V cương quyết đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, các bên không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Quang H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông H có 2 con chung là Nguyễn Quang H1, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989; cả hai con của bà V ông H đều đã trưởng thành và có công ăn việc làm ổn định; các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản: Do đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Ngô Thị V là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án xử lý đơn khởi kiện muộn so với qui định.

Xét thấy: Ngày 25/7/2022 Tòa án nhận đơn khởi kiện của chị V; ngày 03/8/2022 Tòa án ban hành thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; sau khi chị V sửa đơn khởi kiện, ngày 24/8/2022 Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của chị V theo thủ tục hòa giải tại Tòa án (số thụ lý: 121 ngày 24/8/2022), ngày 30/9/2022 chấm dứt việc hòa giải để chuyển đơn khởi kiện của chị V sang giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự; Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và ngày 06/10/2022 Tòa án thụ lý vụ án là đảm bảo về thời hạn theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều: 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Ngô Thị V và ông Nguyễn Quang H là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014028 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận bà V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Ng, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Dương Thế Vinh**